

Số: 125/KH-UBND

Cà Mau, ngày 28 tháng 5 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Cà Mau đến năm 2030, định hướng đến năm 2045

Thực hiện Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Cà Mau đến năm 2030, định hướng đến năm 2045, với những nội dung cụ thể sau:

I. THỰC TRẠNG NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN

1. Tình hình phát triển ngành nghề nông thôn

Tỉnh Cà Mau có vị trí địa lý đặc biệt với sự kết hợp hài hòa của biển, rừng, cùng sự đan xen giữa các hệ sinh thái mặn, ngọt, lợ, tạo cho vùng đất Cà Mau đa dạng, phong phú sản vật, góp phần thúc đẩy sự hình thành các làng nghề truyền thống. Tuy nhiên, qua rà soát, đối chiếu các tiêu chí theo quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn, hiện nay tỉnh không có nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống¹, hiện có 740 cơ sở ngành nghề nông thôn hoạt động có hiệu quả với 04 nhóm ngành nghề (Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ; Sản xuất muối; Các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn), trong đó: 35 doanh nghiệp, 40 hợp tác xã, 16 tổ hợp tác và 649 hộ gia đình với doanh thu 785,259 tỷ đồng/năm; giải quyết việc làm cho 3.057 lao động, thu nhập bình quân 04 triệu đồng/người/tháng. Cụ thể:

- Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản: Có 583 cơ sở ngành nghề nông thôn (34 doanh nghiệp, 36 hợp tác xã, 14 tổ hợp tác và 499 hộ gia đình); doanh thu 735,77 tỷ đồng/năm; giải quyết việc làm cho 2.480 lao động, thu nhập bình quân 04 triệu đồng/người/tháng.

¹ Năm 2008, tỉnh Cà Mau có 11 nghề, 37 làng nghề, 05 nghề truyền thống và 18 làng nghề truyền thống được phê duyệt tại Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 20/8/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Giai đoạn 2009 - 2017: Căn cứ theo Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn, Thông tư 116/2006/TT-BNN ngày 18/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 66/2006/NĐ-CP: tỉnh chỉ có 10 nghề, 16 làng nghề, 04 nghề truyền thống và 09 làng nghề truyền thống.

- Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ: Có 67 cơ sở ngành nghề nông thôn (01 doanh nghiệp, 03 hợp tác xã, 01 tổ hợp tác và 62 hộ gia đình); doanh thu 2,469 tỷ đồng/năm; giải quyết việc làm cho 145 lao động, thu nhập bình quân 04 triệu đồng/người/tháng.

- Sản xuất muối: Có 56 cơ sở (01 hợp tác xã, 55 hộ gia đình); doanh thu 12 tỷ đồng/năm; giải quyết việc làm cho 165 lao động, thu nhập bình quân 08 triệu đồng/người/tháng.

- Các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn: Có 34 cơ sở (01 tổ hợp tác, 33 hộ gia đình); doanh thu 35,020 tỷ đồng/năm; giải quyết việc làm cho 267 lao động, thu nhập bình quân 07 triệu đồng/người/tháng.

2. Đánh giá chung tình hình hoạt động của ngành nghề nông thôn

Nhiều sản phẩm ngành nghề nông thôn đã được gia tăng giá trị thông qua quá trình bảo quản, chế biến, thu nhập của người lao động tham gia ngành nghề nông thôn tăng. Các cơ sở bước đầu ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng mối liên kết sản xuất và tiêu thụ thông qua các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại. Do đó, thực hiện tốt việc phát triển ngành nghề nông thôn góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động từ thuần nông sang phát triển nhiều ngành nghề ở nông thôn, tạo thêm nhiều việc làm, nâng cao thu nhập, thực hiện thành công chương trình xây dựng nông thôn mới tại địa phương. Tuy nhiên, hiện nay diện tích sản xuất nguyên liệu ngày càng bị thu hẹp, quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, khả năng tiếp cận thị trường của hầu hết các cơ sở sản xuất hạn chế, cơ sở hạ tầng nông thôn và mức độ cơ giới hóa trong sản xuất còn chậm làm ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của sản phẩm (chi phí cao, mẫu mã kém bắt mắt, thiếu đa dạng sản phẩm, chưa xây dựng thương hiệu...).

II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Mục tiêu chung

Phát huy tiềm năng của khu vực nông thôn, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, tăng thu nhập, tạo việc làm và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người dân; góp phần bảo vệ môi trường, tôn tạo, giữ gìn cảnh quan, phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc; phát triển kinh tế nông thôn gắn với mục tiêu nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2030:

- Tốc độ tăng trưởng của nhóm ngành nghề nông thôn đạt tỷ lệ 3%/năm.
- Thu nhập bình quân lao động trong các hoạt động ngành nghề nông thôn tăng ít nhất 2,5 lần so với năm 2020.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo khu vực ngành nghề nông thôn đạt trên 60%.
- Hình thành các vùng nguyên liệu tập trung, ổn định đáp ứng 70% nhu cầu phát triển ngành nghề nông thôn.

- Đảm bảo các mục tiêu về phát triển làng nghề theo Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 09/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề tỉnh Cà Mau giai đoạn 2023 - 2030.

b) Tầm nhìn đến năm 2045:

- Ngành nghề nông thôn tiếp tục là hoạt động mang lại thu nhập, tạo việc làm cho lao động ở nông thôn, góp phần vào tăng trưởng chung của nền kinh tế quốc dân.

- Phát triển ngành nghề nông thôn theo hướng phát triển bền vững, thông minh, thân thiện với môi trường, gắn với xây dựng không gian nông thôn xanh, sạch, đẹp; gìn giữ và phát huy các giá trị văn hoá, lịch sử và truyền thống của địa phương.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và thông tin, tuyên truyền

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức, cá nhân và xã hội về vai trò và tầm quan trọng của việc phát triển ngành nghề nông thôn trong phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường công tác phối hợp trong tổ chức thực hiện, nâng cao vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo các cấp, ngành, địa phương. Đổi mới phương thức chỉ đạo, đảm bảo sâu sát, hiệu quả; tập trung cụ thể hóa bằng các chương trình, kế hoạch, chính sách phù hợp, sát thực tiễn để tổ chức thực hiện đảm bảo thống nhất.

2. Triển khai, thực hiện các chính sách và tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển ngành nghề nông thôn

- Tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn theo quy định như: các Nghị định của Chính phủ (Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 về phát triển ngành nghề nông thôn, Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/06/2015 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/04/2018 về khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn); các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 về việc ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tỉnh Cà Mau, Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 về ban hành chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Nghị quyết số 15/2021/NQ- HĐND ngày 04/12/2021 quy định nội dung, mức chi thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, công nhận giống cây trồng mới trên địa bàn tỉnh Cà Mau đến năm 2030, Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 quy định nội dung hỗ trợ; trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ thực hiện phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, phát triển sản xuất cộng đồng, phát triển sản xuất theo nhiệm vụ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cà Mau); các cơ chế chính sách hiện hành về kinh tế tập thể, khuyến nông, khuyến công;...

- Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách cho phát triển ngành nghề nông thôn, trong đó tập trung các chính sách về đất đai, đầu tư, bảo hiểm, tín dụng, tổ chức sản xuất, xúc tiến thương mại; đề xuất chính sách khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế đầu tư vào ngành nghề nông thôn; ưu tiên thu hút đầu tư phát triển dịch vụ, cơ sở hạ tầng, logistics và công nghiệp phụ trợ phục vụ sản xuất, kinh doanh ngành nghề nông thôn.

- Nghiên cứu đề xuất xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, bảo đảm quản lý thống nhất, hiệu lực, hiệu quả; phát huy tính chủ động, sáng tạo, trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu; tăng cường phân cấp đi đôi với giám sát, kiểm tra.

3. Hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn

- Duy trì các ngành nghề đã có, tiếp tục đầu tư vốn và ứng dụng khoa học công nghệ để tạo ra sản phẩm đảm bảo chất lượng, đủ sức cạnh tranh trên thị trường, hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu hàng hóa cho các cơ sở ngành nghề nông thôn. Khuyến khích các cơ sở ngành nghề, làng nghề tham gia Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), khuyến khích phát triển ngành nghề mới sử dụng nguyên liệu, lao động tại chỗ để hình thành các sản phẩm đặc trưng của địa phương.

- Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng trong vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất, khai thác, sơ chế, chế biến; nghiên cứu, chọn tạo, công nhận chuyển giao các loại giống mới, năng suất cao, đảm bảo chất lượng. Hình thành các chuỗi liên kết sản xuất, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm trên cơ sở phát huy lợi thế sản phẩm và lợi thế vùng miền.

- Đào tạo nâng cao tay nghề, chuyển đổi một bộ phận lao động nông nghiệp sang các hoạt động ngành nghề nông thôn. Ưu tiên đào tạo lao động tại doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, vùng nguyên liệu tập trung, cụm công nghiệp. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý, chuyển đổi số cho doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn; hỗ trợ cập nhật, bổ sung các kiến thức về khoa học công nghệ, quy trình sản xuất để nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm. Xây dựng mô hình liên kết đào tạo giữa các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn.

- Triển khai các chương trình, đề án, dự án thành phần, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tăng năng suất, nâng cao khả năng cạnh tranh gắn với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa của địa phương.

4. Phát triển thị trường và hội nhập quốc tế

- Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất xây dựng trang thông tin điện tử giới thiệu, quảng bá sản phẩm, bán hàng trực tuyến; đưa các sản phẩm lên hệ thống phân phối, trung tâm thương mại, siêu thị, điểm du lịch, kênh thương mại điện tử.

- Xây dựng hệ thống thông tin, nâng cao năng lực dự báo thị trường sản phẩm ngành nghề nông thôn; hỗ trợ năng lực tiếp cận thị trường cho doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất gắn với các chương trình xúc tiến thương mại.

- Mở rộng hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến, nhất là công nghệ về thiết kế mẫu mã, chế biến, bảo quản, công nghệ giống, công nghệ môi trường, tái sử dụng phụ phẩm.

5. Bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

Thủ trưởng các sở, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 09/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Bảo vệ môi trường gắn với phát triển du lịch nông thôn

- Tập trung xử lý ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, làng nghề truyền thống; kiên quyết di dời cơ sở sản xuất gây ô nhiễm vào các cụm công nghiệp.

- Khuyến khích sử dụng nguyên liệu tái tạo, thân thiện môi trường và tận dụng các phế phụ phẩm của nguyên liệu làm đầu vào cho các sản phẩm khác.

- Xây dựng mô hình phát triển du lịch làng nghề, du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái mang tính đặc trưng vùng, miền.

- Tổ chức lễ hội truyền thống, hội thi quảng bá, giới thiệu những nét đặc sắc văn hoá của sản phẩm làng nghề; tôn vinh các nghệ nhân, thợ giỏi làm cơ sở xem xét phong tặng, công nhận nghệ nhân.

7. Nâng cao vai trò các hiệp hội ngành nghề nông thôn

- Phát huy vai trò các hiệp hội nghiên cứu, phối hợp với các cơ quan chức năng trong đàm phán, mở cửa thị trường; giải quyết và tháo gỡ hàng rào kỹ thuật, các tranh chấp pháp lý quốc tế.

- Nâng cao vị thế, vai trò của hiệp hội trong tiếp nhận, triển khai, phản biện, xây dựng và thực thi chính sách của Nhà nước.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước (Trung ương và địa phương) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và quy định của pháp luật liên quan; kinh phí từ các chương trình mục tiêu quốc gia, lồng ghép từ các chương trình, đề án, kế hoạch, dự án liên quan; các nguồn vốn tài trợ, viện trợ, nguồn vốn hợp pháp khác từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch này; hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ.

- Hướng dẫn các sở, ngành cấp tỉnh, địa phương hàng năm xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí phát triển ngành nghề nông thôn, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính thẩm định theo quy định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan tham mưu Ủy

ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh; tham mưu, rà soát xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển ngành nghề trên địa bàn tỉnh; khảo sát, thu thập, tổng hợp số liệu về ngành nghề nông thôn.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan hướng dẫn trình tự, thủ tục xét công nhận, thu hồi quyết định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống theo quy định; tham mưu xét, phong tặng, tôn vinh nghệ nhân, thợ giỏi lĩnh vực ngành nghề nông thôn.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 09/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy định các nội dung cho phù hợp. Định kỳ hàng năm tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

2. Sở Tài chính

Sau khi các đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ đã thực hiện lồng ghép vào các nguồn kinh phí ngân sách Trung ương; các Chương trình mục tiêu quốc gia; các chương trình, đề án, kế hoạch đang triển khai thực hiện; các nguồn viện trợ, tài trợ và huy động hợp pháp khác, căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí từ nguồn vốn chi thường xuyên (vốn sự nghiệp cấp tỉnh) theo quy định Luật Ngân sách Nhà nước và phân cấp ngân sách hiện hành.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan tham mưu cấp thẩm quyền bố trí thực hiện Kế hoạch phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, pháp luật có liên quan và khả năng cân đối ngân sách.

4. Sở Công Thương và Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp

Theo chức năng, nhiệm vụ, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện các chính sách khuyến công, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển ngành nghề nông thôn mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp nông thôn, sản phẩm OCOP; tạo điều kiện để các sản phẩm ngành nghề nông thôn tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, quảng bá kết nối tiêu thụ sản phẩm.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ cho các cơ sở ngành nghề nông thôn. Ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ mới, công nghệ cao phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ; công nghệ chế biến nâng cao giá trị gia tăng và thân thiện với môi trường trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn. Hỗ trợ cơ sở sản xuất để thiết kế, cải tiến mẫu mã sản phẩm, phát triển sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Hỗ trợ các cơ sở sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp xây dựng bảo hộ nhãn hiệu, hệ thống truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý, bộ nhận diện thương hiệu cho

các sản phẩm, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế đối với các sản phẩm xuất khẩu chủ lực.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Rà soát, hướng dẫn các chính sách về đất đai, xử lý môi trường để hỗ trợ các cơ sở ngành nghề nông thôn phát triển bền vững.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường làng nghề.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan xây dựng các mô hình du lịch cộng đồng gắn với khai thác giá trị văn hóa truyền thống, mô hình liên kết phát triển du lịch nông nghiệp đặc trưng; tổ chức các chương trình khảo sát điểm đến, sản phẩm du lịch nông thôn, tăng cường kết nối với các doanh nghiệp lữ hành; tổ chức các hoạt động xúc tiến, quảng bá các chương trình du lịch nông thôn.

- Xây dựng các chương trình bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch; hỗ trợ, hướng dẫn người dân có nhu cầu tham gia hoạt động du lịch.

8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan tổng hợp nhu cầu đào tạo nghề của các tổ chức, cá nhân phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chính sách đào tạo nghề theo quy định.

- Hướng dẫn, kiểm tra các điều kiện về tổ chức dạy nghề, truyền nghề của các tổ chức, cá nhân tham gia dạy nghề, truyền nghề theo quy định hiện hành.

9. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp rà soát, điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới gắn với phát triển các ngành nghề nông thôn, nhằm huy động các nguồn lực để phát triển các cơ sở ngành nghề nông thôn.

10. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định.

11. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Cà Mau

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng, chi nhánh tổ chức tín dụng trên địa bàn triển khai các sản phẩm tín dụng phù hợp, hiệu quả, hướng tín dụng vào các lĩnh vực ưu tiên, các động lực tăng trưởng, đặc biệt là các dự án phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

12. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các địa phương, các ngành có liên quan tuyên truyền, vận động, thành lập, củng cố các hình thức tổ chức kinh tế tập thể tham gia xây dựng, phát triển các sản phẩm ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và các sở, ngành, đơn vị có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tăng cường công tác phối hợp tổ chức tuyên truyền về các cơ chế, chính sách bảo tồn và phát triển ngành nghề nông thôn; thực hiện có hiệu quả việc bảo tồn và phát triển làng nghề thông qua các chương trình, dự án về phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn.

14. UBND các huyện, thành phố Cà Mau

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phổ biến, tuyên truyền chính sách bảo tồn và phát triển làng nghề để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện các chương trình, đề án, dự án hoặc các hoạt động có liên quan đến phát triển ngành nghề nông thôn hiểu và tiếp cận các nguồn lực, chính sách hỗ trợ; triển khai thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ, tổ chức bảo vệ môi trường trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

- Hàng năm, điều tra, khảo sát tình hình sản xuất, kinh doanh thực tế của các làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn có tiềm năng, nghiên cứu nguồn lực sẵn có ở địa phương để xây dựng kế hoạch và lập dự án phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trong kế hoạch phát triển nông nghiệp nông thôn địa phương từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác; hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ các cơ sở ngành nghề, làng nghề liên kết thành các tổ chức có tư cách pháp nhân (hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp, các hiệp hội chuyên ngành).

- Rà soát, lập hồ sơ các ngành nghề, làng nghề đủ tiêu chí công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống theo quy định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công nhận; quản lý việc công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn.

- Chỉ đạo tổ chức lại sản xuất, xây dựng chuỗi liên kết giá trị làng nghề, phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng khoa học, công nghệ mới, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, xây dựng và phát triển thương hiệu các sản phẩm làng nghề của địa phương. Hỗ trợ các sản phẩm OCOP tiêu biểu của các làng nghề tham gia các sự kiện, hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại.

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch trên địa bàn; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

15. Các cơ sở ngành nghề nông thôn trên địa bàn

- Tiếp tục bảo tồn, khôi phục và phát triển ngành nghề, làng nghề có giá trị truyền thống hiện có và phổ biến, tuyên truyền chính sách, cũng như ý nghĩa, tầm quan trọng trong việc bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề truyền thống. Bảo tồn các giá trị văn hóa làng nghề gắn với phát triển kinh tế du lịch, để giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tại địa phương.

- Chủ động tham gia, tiếp cận các khóa đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật thông tin thị trường; nâng cao ý thức, trách nhiệm trong công tác bảo vệ môi trường tại

cơ sở, lập và thực hiện phương án bảo vệ môi trường đảm bảo theo quy định.

- Chủ động, tích cực cải tiến quy trình công nghệ, đầu tư thay thế trang thiết bị, nguyên, nhiên liệu,... nhằm nâng cao năng suất lao động, cải thiện môi trường làm việc và hạn chế thấp nhất lượng chất thải phát sinh; lựa chọn giải pháp kỹ thuật, công nghệ xử lý chất thải môi trường phù hợp với ngành nghề.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp thực hiện; đồng thời yêu cầu Thủ trưởng các sở, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện nội dung Kế hoạch này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ NN và PTNT (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, TP. Cà Mau;
- Lưu: VT, NN-TN (Nhu_{KH12/6});

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Sử



PHỤ LỤC 1

MỘT SỐ NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Kèm theo Kế hoạch số: 125 /KH-UBND ngày 28/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Thời gian thực hiện
1	Triển khai thực hiện các nhiệm vụ				
1.1	Kế hoạch hàng năm tuyên truyền thực hiện Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Cà Mau đến năm 2030, định hướng đến năm 2045	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	Tháng 3 hàng năm	2024-2045
1.2	Báo cáo kết quả rà soát, thống kê, đánh giá, phân loại ngành nghề, làng nghề	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	Tháng 6 và tháng 12 hàng năm	2024-2045
1.3	Tham mưu UBND tỉnh: '- Xét công nhận, thu hồi quyết định công nhận làng nghề, nghề truyền thống, làng nghề truyền thống '- Xét, phong tặng, tôn vinh nghệ nhân, thợ giỏi lĩnh vực ngành nghề nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	Tháng 12 hàng năm	2024-2045
1.4	Phát triển sản phẩm du lịch đặc thù của địa phương gắn với phát triển du lịch trong xây dựng nông thôn mới. Trong đó: '- Năm 2024 có ít nhất 02 sản phẩm du lịch; '- Năm 2025 có ít nhất 01 sản phẩm du lịch; '- Giai đoạn 2026-2030 có ít nhất 02 sản phẩm du lịch/năm.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	Tháng 12 hàng năm	2024-2030
2	Kiểm tra, giám sát	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND cấp huyện	Tháng 10 hàng năm	2024-2045
3	Tham quan, học tập kinh nghiệm	Sở Nông nghiệp và PTNT		Tháng 10 hàng năm	2024-2045
4	Tổ chức hội nghị sơ kết/tổng kết	Sở Nông nghiệp và PTNT		Cuối năm 2025, 2030, 2035, 2045	2024-2045



PHỤ LỤC 2

THỰC TRẠNG CÁC HOẠT ĐỘNG NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2018-2023

(Kèm theo Kế hoạch số: 125 /KH-UBND ngày 28 /5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Nhóm ngành nghề	Tổng số cơ sở SXKD trong làng nghề						Doanh thu (triệu đồng)	Thu nhập bình quân (triệu đồng/lđ/tháng)	Tổng số lao động (người)	
		Tổng cộng	Doanh nghiệp	HTX	Tổ hợp tác	Hộ				Tổng số	Thường xuyên
						Tổng số hộ	Số hộ có GPKD				
1	Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản	583	34	36	14	499	187	735.770	4	2.480	1.670
2	Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ	67	1	3	1	62	6	2.469	4	145	73
3	Sản xuất muối	56		1		55	8	12.000	8	165	110
4	Các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn	34	0	0	1	33	33	35.020	7	267	202

PHỤ LỤC 3

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN
TỈNH CÀ MAU GIAI ĐOẠN 2024-2045

(Kèm theo Kế hoạch số: 125/KH-UBND ngày 28/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



TT	Tên dự án	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện	Thời gian trình phê duyệt	Nguồn kinh phí dự kiến
		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp			
1	Xây dựng ít nhất 02 dự án/mô hình/năm về phát triển vùng nguyên liệu tập trung, có chứng nhận cung cấp cho các cơ sở ngành nghề, làng nghề	UBND cấp huyện	Các sở, ngành cấp tỉnh có liên quan	2024 - 2045	Tháng 3 hàng năm	Ngân sách nhà nước, nguồn vốn hợp pháp khác
2	Xây dựng ít nhất 02 dự án/mô hình/năm về bảo tồn và phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề gắn với du lịch	UBND cấp huyện	Các sở, ngành cấp tỉnh có liên quan	2024 - 2045		Ngân sách nhà nước, nguồn vốn hợp pháp khác
3	Xây dựng ít nhất 05 dự án/mô hình/năm về ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất; xử lý ô nhiễm môi trường tại các cơ sở ngành nghề, làng nghề	UBND cấp huyện	Các sở, ngành cấp tỉnh có liên quan	2024 - 2045		Ngân sách nhà nước, nguồn vốn hợp pháp khác
4	Các dự án bảo tồn, phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề khác phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương	UBND cấp huyện	Các sở, ngành cấp tỉnh có liên quan	2024 - 2045		Ngân sách nhà nước, nguồn vốn hợp pháp khác

Ghi chú: Hàng năm, các địa phương, đơn vị có liên quan rà soát, xây dựng kế hoạch, dự án phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn, trình cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt



PHỤ LỤC 4

DANH MỤC CÁC LÀNG NGHỀ CẦN BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Kế hoạch số: 125 /KH-UBND ngày 28/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên làng nghề	Địa chỉ (xã, huyện, tỉnh)	Giai đoạn thực hiện		Thời gian công nhận làng nghề	Lý do bảo tồn
			2021-2025	2026-2030		
1	Làng nghề tôm khô	Huyện Ngọc Hiển	1		Tháng 12 năm 2024	Nghề truyền thống của tỉnh Cà Mau được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; có thị trường tiêu thụ mạnh; sản xuất ổn định, tạo việc làm cho lao động nông thôn; có tiềm năng gắn với phát triển du lịch; sản phẩm tiềm năng tham gia Chương trình OCOP
2	Làng nghề bánh phồng tôm	Huyện Năm Căn	1		Tháng 12 năm 2024	Làng nghề tạo việc làm, tăng thu nhập ở nông thôn, có thị trường tiêu thụ mạnh; sản phẩm tiềm năng tham gia thực hiện Chương trình OCOP
3	Làng nghề trồng và làm dưa bòn bòn	Huyện Cái Nước	1		Tháng 12 năm 2024	Hiệu quả kinh tế cao, nâng cao thu nhập; sản phẩm tiềm năng tham gia Chương trình OCOP; thị trường tiêu thụ mạnh
4	Làng nghề sản xuất muối	Huyện Đầm Dơi	1		Tháng 12 năm 2024	Làng nghề tạo việc làm, tăng thu nhập ở nông thôn, góp phần thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.
5	Làng nghề ép chuối khô	Huyện Trần Văn Thời	1		Tháng 12 năm 2025	Lịch sử hình thành hơn 30 năm, nguồn nguyên liệu dồi dào tại địa phương; sản xuất ổn định, tạo việc làm cho lao động nông thôn; sản phẩm tiềm năng tham gia Chương trình OCOP
6	Làng nghề đan đất	Huyện U Minh; Huyện Thới Bình	2		Tháng 12 năm 2025	Nguồn nguyên liệu dồi dào, thu nhập ổn định, tạo việc làm cho lao động nông thôn, có tiềm năng cạnh tranh; định hướng xây dựng tổ nhóm du lịch trên cơ sở phát huy tài nguyên bản địa độc đáo của làng nghề
7	Làng nghề vót đũa đước	Huyện Ngọc Hiển	1		Tháng 12 năm 2025	Lịch sử hình thành hơn 60 năm, nguyên liệu tại chỗ dồi dào; giải quyết việc làm cho lao động nhân rỗi ở nông thôn; sản phẩm tiềm năng tham gia Chương trình OCOP

TT	Tên làng nghề	Địa chỉ (xã, huyện, tỉnh)	Giai đoạn thực hiện		Thời gian công nhận làng nghề	Lý do bảo tồn
			2021-2025	2026-2030		
8	Làng nghề chế biến Ba khía muối	Huyện Ngọc Hiển; Huyện Đầm Dơi	2		Tháng 12 năm 2025	Nghề truyền thống của tỉnh Cà Mau được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; nguyên liệu và nguồn lao động tại địa phương dồi dào, thu nhập ổn định, tạo việc làm cho người dân; thị trường tiêu thụ khá; sản phẩm tiềm năng tham gia Chương trình OCOP
9	Làng nghề chế biến các loại khô	Huyện Phú Tân; Huyện Ngọc Hiển; Huyện Trần Văn Thời; Huyện Năm Căn; Huyện U Minh	5		Tháng 12 năm 2025	Doanh thu cao, nguyên liệu dồi dào; thị trường tiêu thụ tốt; tạo việc làm ổn định cho người dân
10	Làng nghề gác kèo ong	Huyện U Minh		1	Tháng 12 năm 2027	Nghề truyền thống của tỉnh Cà Mau được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; nguyên liệu và nguồn lao động tại địa phương dồi dào, thu nhập ổn định, tạo việc làm cho người dân
11	Làng nghề cá khoai khô	Huyện Phú Tân; Huyện Ngọc Hiển		2	Tháng 12 năm 2028	Sản phẩm có thị trường tiêu thụ mạnh, nguyên liệu dồi dào.
12	Làng nghề hầm than	Huyện Ngọc Hiển; Huyện Năm Căn		2	Tháng 12 năm 2029	Hầm than là nghề truyền thống của tỉnh Cà Mau; than được Cà Mau có chất lượng tốt, thị trường tiêu thụ mạnh, thu nhập cao, giải quyết việc làm cho một bộ phận lao động tại địa phương
13	Làng nghề dệt chiếu	Thành phố Cà Mau		1	Tháng 12 năm 2029	Nghề truyền thống tỉnh Cà Mau; giải quyết việc làm, nhất là lao động nông nhân ở nông thôn, tạo ra thu nhập ổn định cho người dân trong làng nghề
14	Làng nghề chế biến mắm cá đồng	Huyện Trần Văn Thời; Huyện Thới Bình		2	Tháng 12 năm 2030	Lịch sử hình thành hơn 60 năm, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn; nguyên liệu tại chỗ dồi dào, có thể mạnh của tỉnh
TỔNG CỘNG			15	8		